

VỀ HƯỚNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU CÁC HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO MỚI

NGÔ VĂN LỆ

Trong bài *Tổng quan trình bày về diện mạo tôn giáo trong đời sống xã hội hiện đại*, tác giả Nguyễn Như Diệm (1998) nêu lên hai hiện tượng tạo nên diện mạo của tôn giáo trong bối cảnh hiện nay. Đó là trào lưu thế tục hóa và hiện tượng tôn giáo mới (Nguyễn Như Diệm, 1998). Tất nhiên, tôn giáo là hiện tượng văn hóa xã hội rất phức tạp, nên diện mạo của tôn giáo trong thế giới hiện đại không chỉ có trào lưu thế tục và hiện tượng tôn giáo mới, mà còn nhiều vấn đề khác nữa. Tuy nhiên, tác giả có lý khi chỉ tập trung trình bày về hai hiện tượng trào lưu thế tục hóa và các hiện tượng tôn giáo mới. Bởi vì, chính hai hiện tượng này - trào lưu thế tục hóa và hiện tượng tôn giáo mới đã làm cho bức tranh toàn cảnh của tôn giáo thế giới có những gam màu rất khác nhau. Nếu nhìn vào các biểu hiện của trào lưu thế tục hóa thì tôn giáo ngày càng mất dần ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội. Vì thế, thế tục hóa trước hết “là một quá trình xã hội và văn hóa dẫn đến thoát khỏi sự khống chế của các thiết chế và biểu trưng tôn giáo, thí dụ trong Hòa ước Westphalia, thế tục hóa được dùng để biểu thị việc tài sản của giáo hội bị Nhà nước tịch thu, hay lại như sự tách biệt của giáo hội với Nhà nước và xã hội, giáo dục thoát khỏi quyền uy của xã hội, sự giảm thiểu và suy sút không ngừng của nội dung tôn giáo trong văn hóa, nghệ thuật, triết học.

Quá trình này đồng thời còn có nghĩa là thế tục hóa lĩnh vực chủ quan, ý thức tinh thần của con người, tức người ta không còn dùng tôn giáo để đối xử và giải thích thế giới và đời sống riêng của mình. Thứ hai, thế tục hóa có nghĩa là tôn giáo trở thành việc của cá nhân, còn biểu hiện công cộng của tôn giáo ngày càng trở nên ít đi, tức là tôn giáo bị khống chế trong phạm vi tín ngưỡng cá nhân. Nó tương đối ít bị khống chế có tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn thế giới quan mà họ cần tiếp thu, cá nhân có tính tự chủ lớn hơn để tạo ra hệ thống ý nghĩa riêng của họ. Do vậy, quá trình mà tính tự chủ không ngừng mở rộng này trong thực tế là quá trình thế tục hóa. Chẳng hạn, Tòa án tối cao Mỹ quyết định xoá bỏ thành phần tôn giáo trong trường công. Thứ ba, thế tục hóa là một quá trình có tính toàn cầu. Về vấn đề này, cách nhìn nhận còn có phần khác nhau. Không nghi ngờ gì là thế tục hóa, với tính cách là một khái niệm văn hóa, trước hết gắn liền với truyền thống và đặc trưng Ki-tô giáo phương Tây, có nghĩa nó là quá trình bắt rễ sâu vào truyền thống văn hóa phương Tây... Đối với vấn đề thế tục hóa, vốn bắt nguồn từ văn hóa phương Tây, có phải là một hiện tượng mang tính toàn cầu không, cần có thái độ thận trọng.

Nhưng một thực tế không cần nghi ngờ là văn hóa phương Tây đang không ngừng

toàn cầu hóa và thay đổi, và đang làm thay đổi cả các khu vực khác của thế giới... Bất kể có có thái độ hoan nghênh hay buồn than đối với thế tục hóa, thế tục hóa đã trở thành một hiện tượng có tính toàn cầu, tất yếu và không thể đảo ngược” (Lang You Xing, 1995). Do trào lưu thế tục hóa đã làm ảnh hưởng của Ki-tô giáo bị hạn chế nhiều so với những thế kỷ trước. Khó có thể tôn giáo sẽ gây ảnh hưởng quan trọng cho sự phát triển khoa học kỹ thuật hiện đại, cho chính sách chế độ và quyết sách kinh tế, thậm chí trong lĩnh vực đạo đức cá nhân, vai trò của tôn giáo cũng là hữu hạn. Tuy nhiên, trong đời sống xã hội của các nước phương Tây, vẫn có một lượng không nhỏ nhân dân theo đạo. Tình hình này không có dấu hiệu sẽ thay đổi. Cùng với trào lưu thế tục hóa là xu hướng phục hưng tôn giáo do chính quá trình hiện đại hóa mang lại. Quá trình phục hưng tôn giáo được thể hiện ở hai khía cạnh: *một là*, phục hưng được thể hiện trong ý nghĩa xã hội của tôn giáo chính thống (như trường hợp Islam) và hai là xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới ở các nước khác nhau (Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, Việt Nam...). Sự phục hưng được thể hiện rất rõ trong xu thế phát triển của Islam. Do tác động của hiện đại hóa mà Islam, một mặt thể hiện rõ trào lưu thế tục hóa (tình hình Thổ Nhĩ Kỳ sau khi đế chế Osman tan rã và đặc biệt sau chiến tranh thế giới lần thứ II). Thổ Nhĩ Kỳ là một quốc gia có tới 99% dân số theo đạo Islam, nhưng sau chiến tranh thế giới lần thứ II, Tổng thống nước này - ông Mustafa A. Keman - tuyên bố xây dựng quốc gia này thành quốc gia công nghiệp theo hình mẫu phương Tây. Để đạt được mục tiêu này, trước hết, Chính phủ đã thực thi một chính sách thế tục hóa lấy sự

tách biệt giữa chính trị và tôn giáo. Trong khi đó, cuộc cách mạng Islam ở Iran dẫn đến sự sụp đổ của Quốc vương Plevi để thành lập nước Cộng hòa Islam Iran, do lãnh tụ tôn giáo lãnh đạo, như là một dấu hiệu điển hình về quá trình phục hưng Islam. Ở những quốc gia khác trong khu vực Trung Đông như Ai Cập (Tổ chức anh em Islam chiếm đa số nắm chính quyền, một tình hình tương tự ở Pakistan trong cuộc bầu cử ngày 12/5 vừa qua)..., sự phục hưng Islam trong những năm gần đây như là một xu hướng chính chi phối đời sống xã hội ở các quốc gia có nhiều tín đồ Islam.

Như vậy, có thể thấy, trào lưu thế tục hóa dẫn đến sự suy giảm vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội của từng quốc gia và mang tính toàn cầu. Nhưng mặt khác, chúng ta lại thấy, một trào lưu thế tục hóa như là một xu thế của lịch sử; trái lại, quá trình phục hưng tôn giáo mà biểu hiện của hiện tượng này cũng rất phức tạp như niềm tin tôn giáo ở các cộng đồng dân cư ở một số nước (Nga, Trung Quốc, Việt Nam...) không những không giảm, mà hình như có xu hướng gia tăng. Nhìn về hiện tượng, hình như trào lưu thế tục hóa và xu hướng phục hưng tôn giáo đang đồng hành trong xã hội hiện đại.

Trào lưu thế tục hóa và quá trình phục hưng tôn giáo đều có chung nguồn gốc là quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa gắn liền với quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Vậy, các hiện tượng tôn giáo mới có mối liên hệ gì với hiện đại hóa và công nghiệp hóa? Theo chúng tôi là có. Tuy nhiên, cần phải nghiên cứu một cách hệ thống các hiện tượng tôn giáo mới trong mối

liên hệ với đời sống xã hội, mới có câu trả lời cuối cùng. Ở đây, trong chừng mực hiểu biết của mình, chúng tôi đi tìm nguyên nhân của các hiện tượng tôn giáo mới trong mối liên hệ với xã hội.

Từ những năm 60 của thế kỷ XX hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện ở nhiều quốc gia trên thế giới (Đỗ Quang Hưng, 2001; Nguyễn Văn Minh, 2009). Ở Mỹ, vào những năm 1970, theo thống kê chưa đầy đủ có khoảng từ 3.000 đến 4.000 tôn giáo mới, nhưng số lượng tín đồ chỉ khoảng 7,5 triệu tín đồ. Còn ở Nhật Bản, vào năm 1958 có khoảng 171 tôn giáo mới với 18 triệu tín đồ. Năm 1972 có 422 tổ chức. Có một sự gia tăng đáng kể về tổ chức và lượng tín đồ. Tuy nhiên, các tác giả này mới giới thiệu một cách khái quát về tình hình tôn giáo mới, mà chưa làm rõ sâu sắc nguyên nhân ra đời của các hiện tượng tôn giáo mới. Tôn giáo mới “nở rộ” hơn cả ở Mỹ và Nhật Bản - hai quốc gia có những khác biệt về lịch sử cũng như quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Mỹ là quốc gia đa tộc người, đa tôn giáo. Mỗi nhóm dân cư ở Mỹ có xuất xứ và khác biệt về văn hóa, tôn giáo. Đây có thể là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của các hiện tượng tôn giáo mới. Theo một nghiên cứu, sở dĩ ở Mỹ và Nhật Bản xuất hiện nhiều tôn giáo mới là vì “trạng thái nhiều tôn giáo làm cho Chính phủ Mỹ từ rất sớm đã thực hiện chính sách không can thiệp vào tôn giáo, để cho các tôn giáo phát triển tự do, dần hình thành sự khoan dung đối với các tôn giáo. Bản sửa đổi thứ nhất của Hiến pháp năm 1791 của Mỹ quy định Quốc hội không được chế định ra luật về việc thành lập tôn giáo hoặc về việc cấm tự do tôn giáo...”. Nhật

Bản lại là trường hợp ngược lại. Thất bại trong thế chiến II, Nhật Bản đẩy mình thương tích, cột trụ tinh thần mà xã hội Nhật Bản vốn dựa vào để tồn tại hoàn toàn đổ vỡ. Thần đạo quốc gia vốn được coi là quốc giáo cũng cùng với sự sụp đổ của huyền thoại “Thiên hoàng là thần thánh” theo đó mà tan rã. Trong tình hình đó, các loại “tôn giáo mới” xuất hiện như măng mọc sau mưa xuân, còn người Nhật bị bao nỗi bất an thúc đẩy thì tin theo các loại tín ngưỡng tôn giáo mới, mong qua đó để giải trừ sự rối loạn và mất cân bằng tâm lý, từ đó hình thành nên “phong trào tôn giáo mới” của Nhật Bản (Nguyễn Như Diệm, 1998). Như vậy, có thể thấy, nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của các hiện tượng tôn giáo mới ở Mỹ, một mặt, nước Mỹ là quốc gia đa tộc người, đa văn hoá, đa tôn giáo; mặt khác, Nhà nước thực hiện chính sách ngay từ đầu không can thiệp vào tôn giáo. Ở Nhật Bản tình hình lại khác. Sở dĩ từ sau chiến tranh thế giới lần thứ II xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo mới là do sự thất bại của chủ nghĩa quân phiệt và sự suy giảm của Thần đạo. Trong bối cảnh khủng hoảng niềm tin, các tôn giáo mới ra đời và người ta hy vọng sẽ tìm được chỗ dựa trong những tôn giáo mới.

Sau khi Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ ở Liên bang Nga và các nước Đông Âu đã xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo mới, mà nguyên nhân là “những biến đổi quan trọng nhất về chính trị, xã hội và tư tưởng ở các nước trong phe xã hội chủ nghĩa trước đây đã mở ra những vùng đất rộng lớn để truyền bá các tông phái và các giáo phái mới” (Balagushkin, 1996). Như vậy, ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong những năm

xây dựng chủ nghĩa xã hội do những nhận thức không đúng về tôn giáo (theo quan điểm của chủ nghĩa vô thần khoa học), nên rất nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo và tự do tôn giáo không được giải quyết thỏa đáng. Bởi vậy, khi dân chủ được mở rộng, lại do những khủng hoảng kinh tế - xã hội dẫn đến bùng nổ hiện tượng tôn giáo mới.

Chúng tôi tán thành quan điểm của Tocarev cho rằng tôn giáo là một hiện tượng văn hoá, xã hội (Tocarev, 1979). Quan điểm này của Tocarev đã được chúng tôi vận dụng khi nghiên cứu về sự ra đời của các tôn giáo bản địa (địa phương) của người Việt ở Nam Bộ. Tôn giáo có vai trò nhất định, nhiều khi là nhân tố quyết định đến việc hình thành văn hóa của một cộng đồng tộc người. Ở các nước Ả-rập, khi hợp nhất bản nguyên tôn giáo và bản nguyên thế tục, bộ máy và quyền lực tôn giáo, dẫn đến một thực tế là không có vương quốc Islam nào, một nhà nước nào lại có tổ chức giáo hội chống lại Nhà nước. Trong những trường hợp như vậy, tôn giáo không chỉ góp phần làm phong phú văn hóa tộc người; trái lại, nó đóng vai trò chủ đạo hình thành văn hóa tộc người. Còn trong các trường hợp khác, tôn giáo chỉ là một trong nhiều thành tố (component) góp phần hình thành văn hóa một tộc người. Khi coi tôn giáo là một hiện tượng văn hóa - xã hội, nghiên cứu sự ra đời của bất kỳ một tôn giáo nào cũng phải đặt trong bối cảnh xã hội nhất định. Không đặt trong một khung cảnh xã hội nhất định, với các mối liên hệ, chúng ta sẽ không có cơ sở lý giải các hiện tượng xã hội có liên quan đến sự ra đời của các tôn giáo. Về nguyên nhân ra đời các tôn giáo

của người Việt ở Nam Bộ, chúng tôi nhấn mạnh chính điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội đã dẫn đến ra đời các tôn giáo, và chính điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội đó lại chế định sự lan rộng của các tôn giáo đó ra các địa phương khác của Việt Nam (Ngô Văn Lệ, 2008; Ngô Văn Lệ, 2011). Do vậy, cũng trong bối cảnh chung của Việt Nam, nhưng ở Nam Bộ do có sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội so với Bắc Bộ, nên đã dẫn đến một thực tế là ở người Việt Nam Bộ ra đời rất nhiều các tôn giáo bản địa, nhưng ở miền Bắc không có một tôn giáo mới nào ra đời. Các tôn giáo ra đời ở người Việt Nam Bộ nằm trong xu hướng chung ở giai đoạn này được nhiều nhà nghiên cứu gọi là đạo giáo cứu thế. Đạo giáo cứu thế cũng xuất hiện ở các quốc gia trong khu vực, như Philippines, Indonesia. Trong các công trình trước đây, chúng tôi chỉ quan tâm đến điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội, mà chưa chú ý tới sự thay đổi của đời sống xã hội, khi trong lòng xã hội đã xuất hiện những nhân tố mới - sự du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (yếu tố hiện đại hóa do việc tư bản Pháp khai thác thuộc địa ở Việt Nam). Tuy nhiên, sau khi có bài viết về trào lưu thế tục hóa và sự phục hưng tôn giáo trong bối cảnh hiện nay (Ngô Văn Lệ, 2013), chúng tôi cho rằng ngoài các nguyên nhân đã được trình bày trong các bài viết của mình, cần thiết bổ sung một nguyên nhân nữa. Đó là những ảnh hưởng của văn hóa phương Tây (văn hóa Pháp), mà ở các quốc gia đó đã đạt đến trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao vào thời điểm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Theo

cách phân chia của Pháp, lãnh thổ Việt Nam được chia làm ba kỳ có sự cai trị khác nhau. Nam Bộ là thuộc địa, nên Pháp trực tiếp cai trị, không chịu sự chi phối của nhà Nguyễn. Do thực dân Pháp trực tiếp cai trị Nam Bộ, nên văn hóa phương Tây, mà ở đây là văn hóa Pháp, đã tác động mạnh mẽ đến đời sống mọi mặt của người dân Nam Bộ. Tự tưởng tự do, bác ái, bình đẳng vốn là thành tựu của cuộc cách mạng tư sản châu Âu, qua các hình thức lan tỏa khác nhau đã thâm nhập vào đời sống của các tầng lớp dân cư. Mặt khác, tính dân chủ và bình đẳng vốn có của người nông dân Nam Bộ (không câu nệ chức tước, phẩm hàm, gọi nhau bằng anh Hai, anh Ba). Có lẽ tự tưởng tự do, dân chủ đã dẫn đến một sự kiện rất đáng lưu ý là vào năm 1865 một tờ báo viết đã ra đời ở Gia Định. Cũng nhờ một tinh thần dân chủ và tự do cho nên ở một nước thuộc địa mà Nguyễn An Ninh trong những năm 20, 30 của thế kỷ XX đã viết báo bằng tiếng Pháp để tuyên truyền những tư tưởng tiến bộ, trong đó có chủ nghĩa Mác - Lênin và thuyết trình trước công chúng¹. Những việc làm của Nguyễn An Ninh chỉ có thể diễn ra ở Nam Kỳ - nơi Pháp trực tiếp cai trị, mà những việc làm như thế này khó có thể xảy ra ở những địa phương còn lại của Việt Nam. Trong bối

cảnh Nam Bộ, người Việt Nam Bộ cần một chỗ dựa tinh thần, những tư tưởng tự do, dân chủ và vai trò của các ông “Đạo” đã dẫn đến sự ra đời của các tôn giáo như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo. Những tôn giáo như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo có sự tiếp nhận những yếu tố Phật giáo rất rõ, nhưng cũng đã có những thay đổi cho phù hợp với đời sống của người Việt Nam Bộ. Có lẽ sự tiếp nhận các yếu tố Phật giáo của Hòa Hảo là khá nhiều, nên trong một số công trình thường gọi là Phật giáo Hòa Hảo. Còn Cao Đài, ngoài sự kế thừa các tôn giáo truyền thống (được thể hiện trong những ngày lễ trong năm), lại thể hiện một tinh thần bình đẳng giữa các tôn giáo. Tại sao lại như vậy? Điều này chỉ có thể hiểu được khi đặt trong không gian văn hóa Nam Bộ và đặc biệt những người góp phần hình thành Cao Đài là những công chức tham gia trong bộ máy của chính quyền thuộc địa. So với đông đảo công chúng lúc bấy giờ, họ là những người có điều kiện tiếp xúc với văn hóa phương Tây không chỉ ở lối sống, mà còn những tư tưởng như tự do, bình đẳng, bác ái. Những tinh thần có tính cách tân mà những người sáng lập đạo Cao Đài tiếp nhận được từ văn hóa phương Tây thể hiện trong việc thờ cúng và bài trí của đạo Cao Đài.

Các tôn giáo ra đời trong xã hội người Việt Nam Bộ như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Cao Đài, Hòa Hảo, theo chúng tôi, đều nằm trong phạm trù “tôn giáo mới”. Xung quanh vấn đề “tôn giáo mới” hiện có những quan điểm khác nhau. Có ý kiến cho rằng, các tôn giáo “phi truyền

¹ Một số hoạt động cụ thể của Nguyễn An Ninh ngày 15/10/1923 diễn thuyết bằng tiếng Pháp tại Hội Khuyến học Nam Kỳ với chủ đề *Lý tưởng của thanh niên Việt Nam*; ngày 10/12/1923 ông ra tờ báo *La Cloche Fêlée*; ngày 29/3/1926 báo *La Cloche* bắt đầu đăng Tuyên ngôn Đảng cộng sản; ngày 3/5/1926 đổi tên báo là *L'Annam*, năm 1924 viết tác phẩm *La France en Indochine* đã cực lực lên án chế độ thực dân Pháp; ngày 21/3/1926 diễn thuyết tại đường Lanzarote đòi tự do dân chủ...

thông” là những tôn giáo ra đời sau các tôn giáo truyền thống như Phật giáo.

Thiên Chúa giáo và Islam đều là các tôn giáo mới. Một quan điểm như vậy có thật hợp lý không, khi do nhiều nguyên nhân khác nhau đã dẫn đến phân liệt thành các giáo phái khác nhau trong một tôn giáo với các nghi thức khác nhau (trường hợp Đại thừa và Tiểu thừa trong Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Chính thống giáo trong Thiên Chúa giáo...). Các tôn giáo mới ra đời chủ yếu ở giai đoạn lịch sử có nhiều biến động, khi trong lòng xã hội tồn tại nhiều mâu thuẫn gay gắt. Mặt khác, chúng ta lại thấy, các tôn giáo ra đời không phải theo chu kỳ thời gian, mà chủ yếu bị chi phối bởi bối cảnh xã hội (bối cảnh lịch sử). Những tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Cao Đài, Hòa Hảo ra đời ở người Việt Nam Bộ, chúng ta rất khó chỉ ra những nguyên nhân căn bản của hiện tượng tôn giáo này, nếu không đặt trong không gian xã hội Nam Bộ những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Chúng tôi cho rằng, những tôn giáo ra đời trong thời kỳ cận, hiện đại lịch sử thế giới ở các quốc gia khác nhau đều thuộc phạm trù tôn giáo mới. Vào giai đoạn này của lịch sử nhân loại, khi chủ nghĩa tư bản phát triển trở thành chủ nghĩa đế quốc xâm chiếm thuộc địa gây nhiều nỗi thống khổ, thậm chí làm hủy diệt nhiều tộc người ở các nước thuộc địa (như các trường hợp ở châu Phi hay Australia...). Ở một số nước tư bản phát triển, sự bất bình đẳng giữa giai cấp tư sản và công nhân không những không thu hẹp, mà ngày càng có khuynh hướng gia tăng. Trong bối cảnh như vậy, những người dân ở các nước thuộc địa cũng như ở các nước tư bản phát triển đi tìm cứu cánh của

mình trong niềm tin tôn giáo. Các tôn giáo mới ra đời bên trong tôn giáo truyền thống, nhưng chúng biểu hiện bằng nhiều tín ngưỡng và hoạt động đặc thù, như Phật giáo Hòa Hảo là một thí dụ. Triết lý của đạo Hòa Hảo gần với Phật giáo, nhưng đã được bình dân hóa (Phan An, 2012). Một loại khác ra đời bên ngoài các tôn giáo truyền thống (loại này ra đời nhiều ở Mỹ, Nhật Bản...). Các tôn giáo mới ra đời trong những năm cuối thế kỷ XIX thế kỷ XX. Sang thế kỷ XXI, khi nhân loại bước vào giai đoạn phát triển mới (nền kinh tế tri thức), các hiện tượng tôn giáo mới không những giảm, mà còn có chiều hướng gia tăng. Ở Việt Nam vào năm 1997 có 32 tôn giáo mới với 56.835 tín đồ phân bố ở 30 tỉnh thành phố. Nhưng đến năm 2004 đã có khoảng 50 tôn giáo mới. Trong số gần 50 tôn giáo mới có 8 tôn giáo (như Thanh hải vô thượng sư, Tam tổ thánh hiền, Nhất quán đạo, Phật mẫu địa cầu...) được du nhập (Nguyễn Văn Minh, 2009). Trong xu hướng tới của lịch sử nhân loại, khi dân chủ được mở rộng và tự do con người được đáp ứng (như trường hợp ở Liên bang Nga và các nước Đông Âu sau khi Liên Xô sụp đổ) sẽ là những điều kiện để các hiện tượng tôn giáo mới ra đời.

Các tôn giáo bản địa của người Việt Nam ra đời trong bối cảnh rất cụ thể, mà nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này đã được chúng tôi đã nêu lên trong các bài viết của mình (Ngô Văn Lệ, 2008; Ngô Văn Lệ, 2011). Ngoài các nguyên nhân đã được trình bày trước đây, trong bài viết này, chúng tôi bổ sung thêm một nguyên nhân nữa. Đó là văn hóa phương Tây, mà cụ thể ở đây là văn hóa Pháp, đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đến đời sống xã hội của người Việt Nam Bộ.

Chúng tôi cho rằng, những nguyên nhân về điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội ở Nam Bộ là rất cơ bản góp phần làm nên diện mạo văn hóa của người Việt Nam Bộ, là nguyên nhân chính dẫn đến sự hình thành những tôn giáo bản địa. Nhưng trong bối cảnh cụ thể của Nam Bộ vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX văn hóa phương Tây, mà ở đây là văn hóa Pháp, cũng ảnh hưởng, chi phối và tác động đến sự ra đời các tôn giáo bản địa. Và chính sự tác động của yếu tố văn hóa phương Tây cùng với các nguyên nhân về điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội không chỉ ảnh hưởng, tác động đến sự ra đời các tôn giáo bản địa, mà còn góp phần chế định sự mở rộng không gian của chính các tôn giáo đó. Ở vào thời điểm đó chưa có khái niệm hiện đại hóa, nhưng nếu so sánh một cách tương đối thì rõ ràng phương thức sản xuất tư bản cao hơn phương thức sản xuất phong kiến. Nên dù chưa nói tới hiện đại hóa, nhưng chính phương thức sản xuất tư bản đã chứa đựng yếu tố hiện đại hóa, dẫn đến những thay đổi văn hóa ở các nước thuộc địa.

Qua những trang viết trên đây cho thấy, các tôn giáo ra đời trong những điều kiện xã hội cụ thể của một cộng đồng dân cư (một tộc người). Cùng sống trong một môi trường tự nhiên và xã hội như nhau (như trường hợp người Việt và người Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long), nhưng lại diễn ra hai quá trình trái ngược nhau. Đó là trường hợp ở người Việt Nam Bộ đã ra đời các tôn giáo khác nhau trong khi ở người Khơ-me vẫn chỉ có một tôn giáo duy nhất. Trong trường hợp này, không đặt trong bối cảnh xã hội của người Việt Nam Bộ thì không thể giải thích được vì sao ở người

Việt lại xuất hiện nhiều tôn giáo như vậy, còn người Khơ-me thì không. Còn ở Mỹ, sự xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo mới lại do những nguyên nhân khác. Đó là do xã hội Mỹ là xã hội đa tộc người, đa văn hóa, đa tôn giáo, nhưng Chính phủ Mỹ lại không can thiệp vào các hoạt động có tính tôn giáo. Trong khi đó, sự xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo mới lại sự thất bại của chủ nghĩa quân phiệt Nhật trong chiến tranh thế giới lần thứ II và sự giảm đi vai trò của Thần đạo trong đời sống xã hội Nhật Bản. Ở Nga và các nước Đông Âu sau khi Liên Xô tan rã, xã hội rơi vào tình trạng khủng hoảng và người ta đi tìm niềm tin vào các tôn giáo. Cũng có thể, sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã ở Nga và các nước Đông Âu tự do và quyền con người được nói lỏng hơn, là những thuận lợi mới ra đời. Còn trong đời sống xã hội của người Việt Nam Bộ lại có nhiều tôn giáo ra đời vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Các tôn giáo mới ra đời ở các quốc gia khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của từng quốc gia. Và như vậy, cũng có nghĩa các tôn giáo ra đời phụ thuộc vào những điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội và những tác động đa chiều trong mối quan hệ của các cộng đồng dân cư.

Cách tiếp cận hướng nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo mới là rất đa dạng tùy thuộc vào mục tiêu nghiên cứu của những đề tài cụ thể. Tuy nhiên, theo chúng tôi, dù tiếp cận nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo mới theo hướng nào cũng không thể không lưu ý đến điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội cũng như những mối quan hệ đa chiều của chính cộng đồng dân cư đó. Hay nói cách khác là phải trở về với bản chất của vấn đề tôn giáo là một hiện tượng văn hóa, xã hội.

Theo đó, khi nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo mới, cần đặt chúng trong một không gian xã hội nhất định với các mối quan hệ đa chiều. Mặt khác, cũng cần lưu ý, khi tôn giáo là một hiện tượng văn hóa, xã hội thì luôn có những thay đổi tùy thuộc rất nhiều vào các mối hệ đa chiều của cư dân nơi các tôn giáo mới xuất hiện.

Tài liệu tham khảo

- Balaguskina, E. G. (1996), “Các tôn giáo mới với tính cách là hiện tượng văn hóa - xã hội và tư tưởng hệ”, trong: *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Nxb Thông tin Khoa học xã hội.
- Đình Văn Hạnh (1999), *Đạo Từ Ấn Độ và người Việt Nam Bộ*, Nxb Trẻ.
- Đỗ Quang Hưng (2001), “Hiện tượng tôn giáo mới - mấy vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Tôn giáo*, Số 5.
- Lang You Xing (1995), “Thế tục hóa và tính khuynh hướng của nó”, trong: *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Nxb Thông tin Khoa học xã hội.
- Ngô Văn Lệ (1994), “Bửu Sơn Kỳ Hương có phải là một tông phái Phật giáo hay không?”, trong: *Những vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngô Văn Lệ (1995), “Thử tìm hiểu nguyên nhân phát triển đạo Phật thời Trần”, trong: *Thiền học thời Trần*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành.
- Ngô Văn Lệ (2008), *Các tôn giáo bản địa và ảnh hưởng của nó đến văn hóa người Việt Nam Bộ*, Hội thảo Việt Nam học lần thứ ba, ngày 5-7/12/2008.
- Ngô Văn Lệ (Chủ nhiệm đề tài) (2011), *Đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng cư dân Nam Bộ*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, trong Đề án khoa học xã hội cấp Nhà nước “*Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ*” do VS. GS. Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam làm chủ nhiệm.
- Ngô Văn Lệ (2013), *Cuộc đấu tranh của Phật giáo miền Nam chống Mỹ - Diệm và xu hướng nhập thế trong bối cảnh hiện nay*, Bài viết tham gia Hội thảo khoa học: “*Năm mươi năm phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam (1963 - 2013)*” tổ chức vào ngày 11 tháng 6 năm 2013.
- Nguyễn Văn Minh (2009), “Tổng quan về tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 12-22.
- Nguyễn Xuân Nghĩa (1985), “Vài nhận xét về các phong trào tôn giáo cứu thế ở đồng bằng sông Cửu Long (từ cuối thế kỷ XIX đến trước năm 1975)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 51-58.
- Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa* (Bửu Sơn Kỳ Hương - Cao Đài - Hòa Hảo), Nxb Tôn giáo.
- Phan An (2012), *Người Việt Nam Bộ*, Nxb Từ điển Bách khoa.
- Phan Lạc Tuyên (1992), “Những đạo giáo ở Nam Bộ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Các giáo phái Phật giáo ở miền Nam Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Phật học tổ chức tháng 9 năm 1992.
- Trần Hồng Liên (1995), *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt Nam Bộ - Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*, Nxb Khoa học xã hội.
- Trần Hồng Liên (2011), *Phật giáo ở Bình Dương: Lịch sử và Hiện trạng*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh, nghiệm thu năm 2011.
- Vương Hoàng Trù (2011), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo nhằm phát triển bền vững vùng Nam Bộ*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, nghiệm thu năm 2011.